TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Yếu tố Mật tông trong Phật giáo thời Lý - nhìn từ lý thuyết chức năng

ISSN: 2734-9195 11:05 05/11/2026

Bên cạnh việc coi Phật giáo làm bệ đỡ chính trị - tư tưởng, nhà Lý đề cao vai trò của các thiền sư, trong bộ máy chính quyền có chức Quốc sư giúp việc cho nhà vua, với các vị Quốc sư nổi tiếng như Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh, Không Lộ, Nguyễn Minh Không...

Tác giả: **Trương Thúy Trinh**

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học (VASS)

Phật giáo thời Lý với ba tông phái chính, gồm: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Tuy nhiên, trong thực hành Phật giáo thời kỳ này, yếu tố Mật tông có vai trò nổi trội. Ý kiến của phần lớn các nhà nghiên cứu cho rằng, trong bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi ách đô hộ gần 1000 năm Bắc thuộc, Phật giáo là nhân tố quan trọng để giải Hán hóa.

Ngoài ra, Phật giáo còn giữa vai trò bệ đỡ chính trị - tư tưởng, góp phần tập hợp quần chúng, đặt nền móng cho việc phát triển nền văn hóa dân tộc v.v... Song cho đến nay, chưa có nhiều ý kiến bàn luận về việc vì sao Phật giáo thời Lý mang đậm yếu tố Mật tông? Tài liệu ghi chép cho thấy các phép thuật, bùa chú được sử dụng phổ biến trong giới thiền sư.

Tiếp cận từ góc độ Sử học, **Tôn giáo học**, trên cơ sở phân tích cơ sở hình thành Phật giáo thời Lý, thông qua lý thuyết chức năng của tôn giáo, bài viết bước đầu lý giải về sự xuất hiện phổ biến của các yếu tố Mật tông thời kỳ này. Đáng chú ý, Mật tông có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm mục đích thiêng hóa vai trò vương quyền, củng cố sức mạnh quyền lực (thần quyền) của nhà Lý, nhất là trong buổi đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập.

Từ khóa: Nhà Lý, Phật giáo, Mật tông, phép thuật, thần quyền.

1. Dẫn nhập

Sau gần 1000 năm Bắc thuộc, triều Lý lên nắm quyền cùng với việc xây dựng một nhà nước phong kiến độc lập tự chủ, đã đặt dấu mốc quan trọng trong lịch sử nước ta với những thành tựu rực rỡ trên nhiều phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, luật pháp, mỹ thuật...

Cuối thời tiền Lê, Lê Ngoạ Triều (Lê Long Đĩnh, 1005-1009) bỏ bê triều chính, ngược đãi tăng sãi[1]. Trước tình hình đó, dưới sự hậu thuẫn của triều thần và một số tăng sãi (thiền sư Vạn Hạnh), năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi, lập ra nhà Lý, đặt tên nước Đại Việt. Phật giáo trở thành bệ đỡ chính trị - tư tưởng và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Đáng chú ý, sau gần 1000 năm Bắc thuộc, triều Lý chủ trương dựa vào Phật giáo để chấn hưng nền văn hoá nhằm giải Hán hoá. Thời kỳ này, sự phát triển của nền văn hoá dân tộc gắn liền với sự phát triển của **Phật giáo**.

Về tổ chức tăng đoàn: Dưới thời Lý hình thành hệ thống Tăng lục (giống với Trung Hoa). Trong đó, Tăng lục là chức tăng quan cao nhất thuộc cấp trung ương, tiếp theo là chức Tăng thống ở các địa phương, Tăng chính ở các châu. Tại các châu còn có hệ thống chùa Khai Nguyên (quan tự) bố trí một vị tăng quan trụ trì để quản lý toàn bộ hoạt động của Tăng, Ni, Phật tử tại địa phương[2]. Trong bộ máy chính quyền trung ương có chức Quốc sư giữ vai trò cố vấn cho triều đình trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quân sự. Đặc biệt, các thiền sư vị Quốc sư ngoài việc thông thạo, am hiểu kinh sách Phật giáo họ còn rất giỏi các phép thuật mang màu sắc Mật tông, như: cầu đảo, sấm vỹ, chữa bệnh, xem tướng, bùa chú...

Về tư tưởng Phật giáo: Thời Lý, Phật giáo tiếp tục kế thừa Phật giáo thời Đinh, tiền Lê với sự tồn tại của các ba tông phái chính, gồm: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, đến thời Lý Nhân Tông (1054 - 1072) có thêm phái Thảo Đường. Phái Thảo Đường là một dạng Phật giáo tổng hợp bao gồm cả Thiền, Tịnh, Nho, Lão, trong đó, sự gần gũi giữa Phật và Lão khiến cho Phật giáo thời kỳ mang nhiều màu sắc Mật tông nhằm kịp thời đáp ứng được những nhu cầu đặt ra của bối cảnh xã hội lúc đó.[3] Thực hành mang Mật tông trở nên phổ biến (sẽ được trình bày trong phần viết sau).

Về tình hình nghiên cứu: Trong thời gian qua đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo dưới thời Lý. Bên cạnh các bộ Lịch sử Phật giáo Việt Nam làm rõ quá trình hình thành, phát triển cùng những chuyển biến về mặt tư tưởng Phật giáo của các tác giả tiêu biểu, như: Thích Mật Thể, Trần Văn Giáp, Nguyễn Lang, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Tài Thư, còn có các công trình khảo cứu về tư liệu Phật giáo, như: **Thiền uyển Tập Anh** của Lê Mạnh Thát; Văn thơ Lý Trần của Viện Văn học; Văn bia Lý Trần của Viện Nghiên cứu Hán Nôm... Các tác giả

có những cách tiếp cận khác nhau về Phật giáo thời Lý trong mối quan hệ với chính trị, văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật với các công trình khảo cứu sâu sắc về nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc, khảo cổ học, bia ký của một số tác giả tiêu biểu, như: Chu Quan Trứ, Hà Văn Tấn, Tống Trung Tín…

Nhìn chung, phần lớn các nhà nghiên cứu cho rằng, trong bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi ách đô hộ của phương Bắc, Phật giáo thời Lý là nhân tố quan trọng trong chính sách bài Hán hóa. Ngoài ra, Phật giáo còn giữa vai trò bệ đỡ chính trị - tư tưởng, góp phần tập hợp quần chúng, đặt nền móng cho việc phát triển nền văn hóa dân tộc... Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu tìm hiểu và lý giải vì sao Phật giáo thời Lý mang đậm yếu tố Mật tông, trong đó, các thực hành phép thuật, cầu đảo, bùa chú đặc biệt trở nên phổ biến.

Từ các cách tiếp cận Sử học, Tôn giáo học, bài viết trên cơ sở hệ thống hóa các ghi chép về tình hình thực hành Phật giáo dưới thời Lý, thông qua lý thuyết chức năng của tôn giáo, bước đầu lý giải về sự xuất hiện phổ biến của các yếu tố Mật tông thời kỳ này. Dường như yêu tố Mật tông đã góp phần quan trọng vào việc thiêng hóa vương quyền, củng cố quyền lực, nhất là trong bối cảnh nhà Lý buổi đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập ở nước ta.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

2. Thực hành Phật giáo Mật tông thời Lý qua một số nguồn tư liệu

2.1. Hoạt động cầu đảo do triều đình tổ chức

Theo Từ điển Hán – Việt, Cầu là để chỉ sự mong muốn, Đảo là chỉ sự cầu cúng[4]. Ban đầu, Cầu đảo có nguồn gốc từ tín ngưỡng nông nghiệp gồm là các phép thuật thời tiết hoặc có nguồn gốc từ hoạt động nông nghiệp[5] nhằm mục đích "*gọi mưa, gọi gió*" cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu[6]. Thời Hùng Vương người Việt đã có các hình thức cầu đảo thể hiện trên các họa tiết trống đồng.

Trải qua thời Bắc thuộc, do những đứt gãy văn hóa, hình thức cầu đảo chuyển tiếp từ giai đoạn văn minh Bách Việt sang giai đoạn tiếp thu văn hóa Hán chưa được làm rõ. Về căn bản, hình thức cầu đảo phổ biến trong các triều đại phong kiến ở nước ta được tiếp thu từ Trung hoa. Nó là kết quả của sự hỗn dung giữa tín ngưỡng nông nghiệp (yếu tố lõi), tín ngưỡng thờ thần và các yếu tố thuộc tam giáo (Nho, Phật, Đạo)... Thời Lý - Trần, cầu đảo khá gần gũi với các thực hành Phật giáo và Đạo giáo. Trong khi thời Lê - Nguyễn trở về sau, cầu đảo chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Thiên Mệnh trong Nho giáo[7].

Theo Đại Việt sử Toàn thư, dưới thời Lý, triều đình thường xuyên tổ chức các hoạt động cầu đảo đề cầu mùa màng cho dân chúng. Năm 1048, bắt đầu cho lập Đàn xã tắc, bốn mùa tổ chức cầu đảo cho mùa màng. Tiếp đó, mỗi khi có đại hạn, hoặc tai dị xảy ra, vua đều trai giới, cầu đảo. Đại Việt sử ký toàn thư ghi rõ các năm triều đình tổ chức cầu đảo, gồm: 1048, 1117, 1118, 1131, 1143, 1146, 1169...

Đáng chú ý, trong hoạt động cầu đảo, tăng sĩ, đạo sĩ có vai trò quan trọng trong việc thực hành nghi lễ với các phép thuật, phù trú, tụng Kinh, cầu đảo...

- Năm 1169, mùa xuân, tháng 3, ngày rằm nguyệt thực. Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo;

- Năm 1141, Quốc sư Minh Không viên tịch, nhân đó Đại Việt sử ký toàn thư chép: Sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, rất linh ứng, phàm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả.

2.2. Một số lễ hội, nghi lễ Phật giáo do triều đình tổ chức

Lễ hội đèn Quảng chiếu

Một số nhà nghiên cứu cho rằng, hội đèn Quảng Chiếu có từ đầu thời Lý, kéo dài cho tới thời Trần. Dưới thời Lý Nhân Tông, có 05 lần mở hội đèn Quảng chiếu. Việt Sử lược chép: "*Năm Canh Dần, hiệu Hội Trường Đại Khánh năm đầu (1110),*

mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu ở cửa Đại Hưng", "*Năm Bính Thân hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 7 (1116) mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu ở ngoài cửa Đại Hưng; làm sư bằng gỗ đánh chuông*". Đại Việt sử ký toàn thư chép: "*Năm Canh Tý, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ nhất (1120) tháng Hai, mở hội đèn Quảng Chiếu*", "*Năm Bính Ngọ, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 7 (1126) mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu bẩy ngày đêm..., tháng 9 mở hội đèn Quảng Chiếu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành vào xem*" [8].

Hội đèn Quảng chiếu tổ chức vào dịp mùa xuân đầu năm mới (tháng Giêng, tháng Hai) với ý nghĩa quảng chiếu ánh sáng từ bi, bác ái của đạo Phật cho muôn dân để cầu mong quốc thái, dân an, thái bình, thịnh trị. Bên cạnh nghi lễ Phật giáo, triều đình còn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, trò chơi dân gian như: hội chùa, đua thuyền, đá cầu, chọi gà... Ngoài ra, hội đèn Quảng chiếu cũng được tổ chức vào các dịp triều định có sự kiện quan trọng như: khánh thành chùa tháp, đổi niên hiệu, bang giao, chiến tranh.

Đáng chú ý, nội dung văn bia Sùng điện Diên Linh cho thấy hội đèn Quảng Chiếu có một số nghi lễ Mật tông: "*Dựng đài cao Quảng chiếu, hướng sân trước Đoan môn (cửa thành phía Nam). Trong nêu một cột; ngoài đặt bẩy tầng. Uốn hình cung nâng đỡ sen vàng; máy lồng nhiễu cho cho ngọn nến... Lại có bảo thánh trang nghiêm; điện vàng viện báu. Do thánh ý dựng nên; đặt tượng vàng hai dãy lầu hoa, trong treo chuông vàng, khắc chú tiểu ăn mặc nâu sồng; vặn máy ngầm giơ vồ lên đánh*".

Theo giáo sư Hà Văn Tấn: "*Trong hội đèn Quảng Chiếu ở Thăng Long, có 7 ngôi tháp xếp thành một hàng, trên mỗi tháp đặt một pho tượng Phật. Tháp chính giữa bằng vàng, có tượng Phật Đa Bảo, hay Đa Bảo Như Lai, tên Sanskrit LaPrabhù- taratna, theo Diệu pháp liên hoa kinh là vị cổ Phật ở thế giới Bảo Tịnh Đông Phương, khi còn là Bồ Tát, có lời nguyện là sau khi thành Phật, nếu có chư Phật giảng kinh Diệu pháp liên hoa ở đâu thì sẽ có bảo tháp chứa xá lị của mình hiện ra ở đó.*

Vì vậy, khi Phật Thích Ca giảng kinh ở núi Linh Thứu, có bảo tháp ở Phật Đa Bảo hiện ra, trong tháp vang lên lời tán thán Thích Ca. Ở hai bên tháp vàng là hai tháp được làm bằng bạc. Tháp bạc bên trái có tượng Phật A Di Đà, tháp bạc bên phải có tượng Diệu Sắc Thân. Phật A Di Đà (Ami tabha) thì hẳn mọi người đều đã biết, đó là vị Phật ở phương Tây. Còn Diệu Sắc Thân hay Diệu Sắc Như Lai, tên Sanskrit là Surupakayau Tathagata, là một tên khác của Phật Axúc (Aksobhya) tức vị Phật ở phương Đông.

Hai tháp bên cạnh các tháp bạc làm bằng gỗ mun Ô văn. Tháp bên trái có tượng Phật Quảng Bác Thân. Quảng Bác Thân (tên Sanskrit là Vipulakaya) là một tên khác của Phật Tì Lô Già Na (Vairocana) hay Đại Nhật Như Lai, được coi là Phật ở trung ương. Tháp bên phải có tượng Phật Ly Bố Úy Như Lai, là một tên gọi khác của Thích Ca Mâu Ni, được gọi là Phật ở phương Bắc. Hai tháp bên cạnh các tháp gỗ mun, được làm bằng ngà voi. Tháp ngà bên trái đặt tượng Phật Cam Lồ Vương. Cam Lồ Vương là một tên khác của A Di Đà.

Ở tháp bên phải có tượng Phật Bảo Thắng. Phật Bảo Thắng (tên Sanskrit là là Ratnaketu) là một tên gọi khác của Phật Bảo Chưởng hay Bảo Sinh (Ratnasmbhava) tức vị Phật ở phương Nam... Như vậy rõ ràng các tháp ở hội đèn Quảng Chiếu Thăng Long thời Lý là có liên quan với với lễ thí thực cho ma đói, hay nói chung là cho các cô hồn. Ở đây, ta thấy một ảnh hưởng của Mật giáo khá rõ ràng"[9].

Nghi lễ Thiên Phật

Trong các lễ hội khánh thành chùa, tháp thời kỳ này, ngoài lễ hội đèn Quảng chiếu, sử liệu còn nhắc đến một số nghi lễ "*Thiên Phật*" có nguồn gốc từ Mật tông. Nghi lễ này liên quan đến các mô hình tháp thờ, ở nước ta hiện đã thất truyền chỉ tìm thấy hiện vật ở các di chỉ khảo cổ, tuy nhiên loại hình tháp thờ (Tsa Tsa) vẫn được sử dụng trong các thực hành Phật giáo Mật tông - Kim Cang thừa hiện nay ở Tây Tạng. Đại việt sử ký toàn thư ghi chép về nghi lễ Thiên Phật như sau:

- Năm 1118: Tháng 9 mở hội Thiên Phật [Nghìn Phật] để khánh thành chùa Thắng Nghiêm Thánh Thọ, cho sứ Chiêm Thành đến xem.[10]

- Năm 1129: Mở hội khánh thành 8 vạn 4 nghìn bảo tháp ở gác Thiên Phù.[11]

Các ghi chép trên nhắc đến nghi lễ Thiên Phật (Nghìn Phật) vào dịp khánh thành gác Thiên Phù và chùa Thắng Nghiên Thánh Thọ, tiếp đón sứ đoàn Chiêm Thành.

Trước thời Lý, việc thực hành nghi lễ với hàng nghìn tháp thờ đã từng xuất hiện ở nước ta. Trong quãng thời gian giữ chức Tiết độ sứ Giao Châu (866-875), Cao Biền từng sử dụng loại tháp nhỏ này trong một số nghi lễ được tìm thấy trong các di chỉ Núi Bát Vạn, Tiên Du (Bắc Ninh) và hang Đầu gỗ, Hạ Long (Hòn Gai).

Ngoài ra, mô hình tháp thờ cũng xuất hiện phổ biến ở các di chỉ thời Lý - Trần ở Thăng Long và các di tích chùa Dạm, chùa Phật Tích (Bắc Ninh), tháp Long Đọi (Hà Nam), tháp Chương Sơn (Nam Định), chùa Chò (Yên Lạc, Vĩnh Phúc), Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), tháp mộ Dưỡng Phú (Kim Thi, Hưng Yên), tháp mộ

Xuân Hồng (Nghi Xuân, Hà Tĩnh)... Nhìn chung, tháp thờ thời Lý thường là đất nung, trong khi thời Trần thường là tháp tráng men màu xanh, có trạm khắc hình tượng Phật, rồng, nữ thần chim, hoa lá... [12] Tháp phổ biến có hình vuông, chiều cao từ 20 - 50cm, đế rộng từ 15 – 17cm. Tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam hiện nay có 01 hiện vật tháp thờ thời Lý Trần (thế kỷ XI – XIII) được làm bằng gạch nung lắp ghép rất đẹp, hình vuông, có 5 tầng với các hoạ tiết phong phú được trạm khắc tinh xảo trạm khắc tinh xảo.[13]

Mỗi tháp thờ tượng trưng cho sự hiện diện của một bản tôn đức Phật. Việc sử dụng mô hình tháp thờ trong nghi lễ Thiên Phật với ý nghĩa cầu mong có được sự bảo trợ, che chở nhiệm màu của Phật pháp và đức Thế tôn.

Ảnh hưởng của nghi lễ Mật tông với tên gọi Thiên Phật, thời Lý thường sử dụng mô hình tháp thờ như một dạng pháp bảo hoặc pháp khí trong các sự kiện đại lễ, đàn tràng, nghi lễ án táng... Nghi lễ này phổ biến thời Lý - Trần, đến thời Lê trở về sau về cơ bản bị mai một.

2.3. Truyền thuyết các thiền sư thời Lý thực hành phép thuật

Sử sách thời Lý có khá nhiều các ghi chép về các câu chuyện, truyền thuyết phản ánh về việc các thiền sư, đặc biệt là các vị Quốc sư thực hành phép thuật, vu thuật, phù chú mang màu sắc Mật tông, tiêu biểu như sau:

Truyền thuyết xây chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột)

Năm 1049, Lý Thái Tôn dựng chùa Diên Hựu. Năm trước, ngài nằm mơ thấy đức Phật Quan Âm dẫn ngài vào Liên Hoa điện. Tỉnh dậy, ngài hỏi đình thần thì một vị Tăng Thống xin lập chùa. Vua nghe lời, dựng một cục đá, ở trên xây điện Liên Hoa (hình hoa sen nổi trên mặt nước) thờ Phật Quan Âm và hội các Tăng sĩ lại tụng kinh cầu trường thọ.

Một số học giả cho rằng kiến trúc một cột độc đáo này là một dạng "*kinh tràng*" của Mật tông. Bên cạnh đó, chùa có hình dạng bố cục kiến trúc giống với biểu tượng vũ trụ liên hoa Mandala, kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Kim cang thừa.

Truyền thuyết về thiền sư Từ Đạo Hạnh

Liên quan câu chuyện Diên Thành Hầu nhờ pháp sư Đại Điên đánh chết cha của Từ Đạo Hạnh, thiền sư quyết trí tu hành để trả thù cho cha. Sau một thời gian tu luyện thấy pháp thuật đã tinh thông, Từ Đạo Hạnh trở về báo thù cho cha, ngài ném cái gậy xuống sông Tô Lịch, gậy bơi ngược giòng sông lên qua nhà Duyên

Thành Hầu thì đứng lại. Hầu lại báo tin cho Đại Điên Pháp sư ra xem thì bị gậy ấy đánh chết ngay.

Duyên Thành Hầu sợ hãi liền mời Tổ Giác Hoàng Đại Pháp sư, hai bên thường đấu phép nhiều lần, Đạo Hạnh thiền sư phải thua về ẩn ở Sài Sơn. Khi ấy, Đạo Hạnh suýt bị chết, Sùng Hiền Hầu ứng cứu. Ngài nguyện sau này đầu thai làm con của Hầu. Bấy giờ, Sùng Hiền Hầu phu nhân có thai, ngài hẹn bao giờ phu nhân trở dạ thì phải báo cho ngài. Khi được tin, ngài liền đập đầu vào núi đá chết, Giác Hoàng đại sư yểm bùa mãi sau ngài mới đầu thai vào được. Con của Sùng Hiền Hầu sau này là vua Lý Thần Tông. Ngài Đạo Hạnh được thờ ở làng Láng, khi làng mở đại hội thường diễn lại tích ngài Đạo Hạnh và Pháp sư Đại Điên[14].

Truyền thuyết Minh Không chưa bệnh hoá hổ cho vua Lý Thần Tông

Liên quan đến lời hứa của Từ Đạo Hạnh nguyện đầu thai thành con của Sùng Hiền Hầu để trả ơn cứu mạng. Từ Đạo Hạnh trước khi mất bảo với học trò là ngài Minh Không rằng: "*Ta đây kiếp sau làm nhân chủ, nhưng tất bị quái bịnh, người đã có duyên với ta thì nên đợi mà cứu ta*". Quả về sau, năm 1136, vua Lý Nhân Tông bị mắc một quái tật, tâm thần rối loạn, gầm thét như hùm mà người thì mọc lông ra như lông hổ. Các lương y trong nước đều phải bó tay. Một hôm chợt có tiếng của trẻ con vỗ tay hát:

"*Tập tầm vông! Tập tầm vông!*

Có ông Nguyễn Minh Không

Chữa được Thần Tông Hoàng Đế".

Triều đình bèn rước ngài Minh Không về kinh. Khi ngài đến nơi, liền lấy một cái đinh dài 5 tấc đóng vào cột mà bảo: Ai nhổ được cái đinh này mới chữa được bịnh cho Thiên tử. Nhưng không ai làm được, ngài mới nhón ngón tay khẽ rút lên, thì cái đinh ra rất nhẹ nhàng. Bấy giờ mọi người mới kinh sợ và để ngài chữa bệnh cho vua.

Sau khi thăm bệnh, ngài Minh Không liền truyền đun sôi một vạc nước và bỏ cái đinh ban nãy vào làm phép, sau đem ra tắm cho vua, bao nhiêu lông rụng hết và bệnh cũng khỏi dần. Sau khi khỏi bệnh, vua Lý Thần Tôn phong cho ngài làm Quốc sư, ngài mở trường dạy rất đông đệ tử.

Truyền thuyết thiền sư Không Lộ và Giác Hải

Thiền sư Không Lộ (biệt hiệu là Thông Huyền) và Giác Hải đều là người biết nhiều phép thuật tinh thông hay cùng nhau đàm đạo, hay được vua triệu vào cung, về sau đều giữ chức Quốc sư. Dưới thời vua Nhân Tông, một hôm Không Lộ và Giác Hải đang ngồi hầu, bỗng có đôi tắc kè gọi nhau ầm ĩ, vua truyền cho Không Lộ ngăn nó lại, sư nhẩm thần chú một con rơi xuống trước. Vua cười bảo vẫn còn một con, để nhường Giác Hải. Giác Hải đọc thần chú con còn lại rơi xuống nốt. Từ đó danh tiếng vang thiên hạ. Vua kinh lạ, tặng cho bài thơ:

"*Giác Hải tâm như Hải*

Thông Huyền đạo diệc huyền

Thần thông năng biến

Nhất Phật nhất thần tiên"[15]

Các truyền thuyết khác

Có vị Trưởng lão ở chùa Mật Nghiêm có tài xem tướng, đoán tướng ngài Viên Chiếu (thuộc giới hoàng thân nhà Lý) rằng: Nếu đi tu thì có thể trở thành một vị "*Bồ-tát*". Quả về sau, ngài rất am hiểu kinh pháp tu đến đắc đạo. Trong nhiều kinh sách do ngài biên soạn, cuốn "*Dược sư thập nhị nguyện văn*" được vua Lý Nhân Tôn gửi sang Trung Hoa, các Đại sư Trung Hoa xem đều tâu rằng: "*Đây là đấng hóa thân Đại sĩ ra đời ở phương Nam, giảng giải kinh nghĩa rất tinh vi, bọn phàm Tăng chúng tôi đâu dám thêm bớt một chữ nào nữa*"[16]. Vua Tống có lời khen tặng và cho sao lại lưu hành trong nước.

Ngoài ra, Việt Nam Phật giáo sử lược cho biết, thời ấy lại có nhiều thiền sư của các dòng Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường mở đạo trường dạy đệ tử hoặc đi hành hóa, dùng pháp thuật cứu giúp kẻ bệnh tật trong thiên hạ.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

3. Vai trò, chức năng của Phật giáo Mật tông trong xã hội thời Lý

3.1. Tăng cường gắn kết xã hội, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng trong dân chúng

Sau 1000 năm Bắc thuộc, việc tập hợp quần chúng, tăng cường gắn kết xã hội là một trong những nhu cầu cấp thiết. Trong đó, nhà Lý đã khéo léo kết hợp giữa nhu cầu gắn kết xã hội và việc đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân.

Như GS. Nguyễn Duy Hinh từng khẳng định, người Việt có tư duy ưa ma thuật. Trải qua 1000 năm Bắc thuộc dấu ấn văn hoá Bách Việt còn khá sâu sắc, đặc biệt là tín ngưỡng nguyên thuỷ sùng bái tự nhiên được thể hiện qua tín ngưỡng thờ đa thần. Trong tác phẩm Lý hoặc Luận của Mâu Tử cũng cho thấy, ngay từ đầu, Phật giáo khi du nhập vào Giao Châu phải dựa vào yếu tố ma thuật, Phật giáo kết hợp với Đạo giáo thông qua các hình thức vu thuật, cầu đảo, bùa chú…

Đáng chú ý, các hoạt động cầu đảo, lễ hội Phật giáo như: Đèn Quảng chiếu, Thiên Phật được triều đình tổ chức đều đặn với các mục đích cầu mùa, cầu quốc

thái dân an... Thông qua các hoạt động này, Phật giáo đã góp phần thúc đẩy gắn kết xã hội bằng cách tái khẳng định những mối liên hệ sẵn có, gia tăng sự quy thuộc và cảm thức tập thể. Các thực hành nghi lễ Phật giáo ngoài các mục đích cầu mùa, cầu an, nó còn thể hiện bản sắc tôn giáo trong một thể thống nhất là cơ sở hình thành các định chế xã hội dưới thời Lý.

Marcel Mauss trong khi so sánh giữa tôn giáo và ma thuật ông nhấn mạnh, thực hành ma thuật có vai trò đặc biệt trong việc gia tăng mối quan hệ quy thuộc và cảm thức tập thể trong thực hành tôn giáo[17].

Robert Merton, khi phân tích chức năng của thực hành tôn giáo ông chia ra 02 loại chức năng, gồm: Chức năng hiển nhiên (manifest function) và Chức năng tiềm ẩn (latent function). Với chức năng hiển nhiên, mục đích trực tiếp của các nghi lễ Mật tông là để cầu mưa thuận gió hòa, chữa bệnh, trừ tà ma hay xoa dịu thiên tai; Với chức năng tiềm ẩn, việc tổ chức các nghi lễ bất kể có đạt được mục đích trực tiếp hay không đã tạo ra những tác động xã hội. Nó góp phần củng cố sự gắn kết xã hội. Khi người dân cùng tham gia các nghi lễ cầu đảo, hội đèn Quảng chiếu, cùng nhau chia sẻ một niềm tin và hành động chung, điều này tạo ra một sự đoàn kết nhóm xã hội mạnh mẽ, giúp cộng đồng vượt qua những khó khăn và khủng hoảng.

Ngoài ra, các nghi lễ này còn cung cấp sự an ủi tâm lý. Trong một xã hội dựa trên nền tảng nông nghiệp, con người thường xuyên phải đối mặt với những bất ổn đến từ thời tiết, thiên tai, bệnh dịch... mọi hình thức cầu cúng trở thành chỗ dựa tinh thần quan trọng. Đặc biệt, các hoạt động cầu đảo, nghi lễ Mật tông ngoài sự tương đồng về mặt văn hóa tín ngưỡng, sự bảo trợ của triều đình góp phần xoa dịu nỗi sợ hãi, mang lại sự lạc quan, yên tâm lao động sản xuất trong quần chúng nhân dân...

Những hình thức thực hành nêu trên phản ánh tinh thần nhập thế của Phật giáo thời kỳ này. Bên cạnh việc đáp ứng kịp thời nhu cầu tín ngưỡng của người dân, nhà Lý còn có các chính sách chăm sóc đời sống nhân dân, như: miễn tô thuế, cứu trợ, phát chẩn, thiện nguyện thể hiện tinh thần tư bi của Phật giáo sẽ được trình bày ở phần sau.

3.2. Hợp thức hóa quyền lực, củng cố vai trò chính trị

Vương triều Lý ngày từ khi thành lập đã có mối quan hệ đặc biệt với nhà chùa và các thiền sư. Như đã nêu, sư Vạn Hạnh sử dụng thuật sấm truyền nhằm hợp lý hóa vai trò lên ngôi của Lý Công Uẩn. Trong quá trình quản trị đất nước, nhà Lý tiếp tục cần đến tầng lớp tăng sãi.

"Thứ nhất họ những người có học, có ý thức về quốc gia, sống gần gũi với quần chúng và biết được những nỗi đau của người dân đang bị một chính sách hà khắc bóc lột, lý do thứ hai họ không có ý muốn tranh ngôi Vua, không giành quyền bính và địa vị ngoài đời, nên Vua tin họ, lý do thứ ba họ không cố chấp vào thuyết Trung quân (Chỉ biết giúp một Vua mà thôi) như các nhà Nho nên họ có thể cộng tác với bất cứ ông Vua nào có thể đem lại hạnh phúc cho dân. Lý do thứ tư các Vua cần sức học của họ nhất là trong đời Đinh - Lê, các Vua đều không phải giỏi trí thức, Nho sĩ thì chắc là không có mấy người, mà lại chỉ trung thành với một triều đại".[18]

Bên cạnh việc coi Phật giáo làm bệ đỡ chính trị - tư tưởng, nhà Lý đề cao vai trò của các thiền sư, trong bộ máy chính quyền có chức Quốc sư giúp việc cho nhà vua, với các vị Quốc sư nổi tiếng như Vạn Hạnh, Từ Đạo Hạnh, Không Lộ, Nguyễn Minh Không...

Đáng chú ý, Mật tông có vai trò tích cực trong việc hợp thức hóa quyền lực của triều đình nhà Lý. Sau lời sấm truyền Lý Công Uẩn lên ngôi, thời Lý còn xuất hiện rất nhiều các truyền thuyết thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa Phật giáo với vương triều như: truyền thuyết chùa Diện Hựu, truyền thuyết về phép thuật của các vị Quốc sư trong việc sử dụng các phép cầu đảo, bùa chú, chữa bệnh cho vua... Trong đó, đặc biệt là truyền thuyết Từ Đạo Hạnh hóa thân đầu thai thành vua Lý Thần Tông. Thông qua việc đồng nhất vai trò của nhà vua với hóa thân của vị Quốc sư, truyền thuyết đã góp phần thiêng hóa vương triều, củng cố quyền lực bằng việc đồng nhất thần quyền với thế quyền.

Trong buổi đầu thiết lập chính quyền phong kiến độc lập, bên cạnh những nỗ lực trong việc xây dựng một thể chế nhà nước quân chủ, nhà Lý cần phải tạo dựng uy tín, có được sự ủng hộ của người dân. Trong đó, các hình thức thực hành Mật tông dưới dạng truyền thuyết, sấm vỹ, phép thuật góp phần quan trọng trong việc hợp lý hóa vai trò cai trị, củng cố quyền lực, đặc biệt là việc có được sự tin tưởng tuyệt đối của người dân đối với triều đình.

3.3. Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc

Sau gần 1000 năm dưới ách đô hộ và chính sách đồng hóa của phương Bắc, nhà Lý lên ngôi, một trong những nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Trước hết, Phật giáo được đề cao trong vai trò bệ đỡ chính trị - tư tưởng. Thời kỳ này, tư tưởng từ bi, cứu thế của đạo Phật còn ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống xã hội. Phần lớn các vua Lý đều có lòng khoan dung, nhân từ do ảnh hưởng của

đạo Phật.

Điển hình như các vua Lý Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông luôn chỉ đạo quần thần phải chăm lo cho đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc chính là bảo vệ sự độc lập của nước nhà. Sử sách cũ đã phải ca ngợi tài trí, đức hạnh của vua Lý Nhân Tông: "*Vua là người sáng suốt khôn ngoan, nhân hiền, hiếu nghĩa. Vua nghe lời can ngăn, cầu kẻ hiền tài, ít tạp dịch, thuế khóa nhẹ. Bấy giờ nước lớn phải sợ; nước nhỏ phải mến, thần giúp người theo, dân thì đông giàu, mình thì thái bình. Thực là ông vua giỏi ở triều Lý*"([19]).

Các thư tịch cũ như sách Thiền Uyển Tập Anh chép rằng vua và các tín chủ giàu có thường cúng dường của cải để chư tăng bố thí cho dân nghèo hay dùng vào các công việc cứu trợ công đức khác. Các thiền sư như Không Lộ, Giác Hải tinh thông y thuật đã phát minh ra nhiều phương dược để cứu chữa cho dân...

Các vị vua nhà Lý luôn có ý thức thấm nhuần tư tưởng Phật giáo trong chính sách trị nước. Các vị vua thiền sư thời Lý đã tự trao dồi đạo đức vô ngã, triết lý sống nhập thế trên cơ sở tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã để trở thành tấm gương cho dân chúng noi theo. Điều này góp phần tạo nên một xã hội thuần hậu trên cơ sở các giá trị đạo đức tốt đẹp của Phật giáo làm nền tảng.

Đáng chú ý, nhà Lý khéo léo dựa vào Phật giáo để xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc nhằm phản kháng lại sự ảnh hưởng của Hán hóa suốt gần 1000 Bắc thuộc. Không phải ngẫu nhiên thời kỳ này trong dân gian xuất hiện truyền thuyết thiền sư Từ Đạo Hạnh và Minh Không đi tu học ở Ấn Độ. Nhà Lý một mặt duy trì mối quan hệ hữu hảo với nhà Tống, mặt khác chú trọng bang giao nhằm tiếp thu Phật giáo từ vương quốc Ấn độ hóa là Chiêm Thành. Đại Việt sử ký toàn thư ghi chép nhiều lần sứ thần Chiêm Thành ghé thăm Đại Việt, sự xuất hiện của một số thiền sư Chiêm Thành cùng các thực hành Phật giáo Mật tông thời kỳ này. Việc chủ động đặt quan hệ bang giáo với Chiêm Thành, thông qua đó chú trọng tiếp thu yếu tố Phật giáo từ phương Nam, đây rõ ràng là một chủ đích của triều Lý nhằm đối trọng với những ảnh hưởng từ nền văn hóa phương Bắc.

Bên cạnh việc tiếp tục duy trì, khôi phục các truyền thống văn hóa của người Việt, như: tín ngưỡng thờ đa thần (vạn vật hữu linh), thờ tổ tiên, thờ vua Hùng, thờ người có công, anh hùng dân tộc... , dựng đài "*Đồ đại thành hoàng*", đền "*Đồng cổ*" (trống đồng), đền thờ Hai Bà Trưng, đền thờ Phùng Hưng, đề thờ Phạm Cự Làng ở kinh thành Thăng Long, nâng lễ thờ thần Phù Đổng (Bắc Ninh) lên cấp độ nghi lễ quốc gia (Quốc tế),... [20]

Thời kỳ này, sự hoà quyện giữa văn hoá Phật giáo và nền văn hoá dân tộc đã góp phần tạo nên một nền văn hóa - nghệ thuật phát triển rực rỡ, để lại nhiều di sản điêu khắc, kiến trúc Phật giáo có giá trị nghệ thuật cao[21]. Tiêu biểu với chùa Diên Hựu, chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp, chùa Dạm, chùa Thầy... ; Các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu, gồm: Tượng Quan Âm Chuẩn đề (chùa Bút Tháp), 10 linh thú (chùa Phật tích); Bệ đá tượng sư tử đội Phật (chùa Hương Lãng, chùa Bà Tấm)...

Trong đó, văn hóa Chămpa để lại dấu ấn vô cùng sâu sắc trong nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc Phật giáo thời Lý. Bên cạnh đó, các lễ hội, nghi thức Phật giáo như lễ hội đèn Quảng Chiếu, nghi lễ Thiên Phật, kiến trúc Madala, mô hình tháp thờ... hầu hết mang màu sắc Mật tông. Tại các lễ hội Phật giáo do triều đình tổ chức luôn có sự góp mặt của các trò chơi, trò diễn dân gian qua đó góp phần chấn hưng đời sống văn hóa đề cao các truyền thống văn hóa dân tộc.

Đặc biệt, thời Lý Trần lưu truyền nhiều truyền thuyết về An Nam Tứ Đại Khí thể hiện trí tuệ, tài năng, tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt Nam. Trải qua nhiều biến cố lịch sử, Tháp Báo Thiên bên Hồ Gươm nay không còn. Các pháp khí có kích thước lớn, gồm: Chuông Quy điền (nặng hơn 7 tấn), Tượng Phật Di Lặc bằng đồng cao 6 trượng (20 mét) tương truyền do thiền sư Nguyễn Minh Không đúc, Vạc Phổ Minh nặng hơn 6 tấn được đúc dưới thời Trần Thánh Tông đều đã bị quân Minh xâm lược đúc làm vũ khí. Tuy nhiên, việc tạo tác An Nam Tứ đại khí cho thấy những đóng góp to lớn của nhà Lý đối với nền văn hoá dân tộc, hơn hết đó là tinh thần, ý chí tự tôn dân tộc gắn liền với các giá trị di sản Phật giáo.

Thay lời kết:

Trên cơ sở hệ thống hóa dữ liệu lịch sử, có thể nhận thấy sự phát triển của các hình thức thực hành Mật tông thời Lý là một thực tế phổ biến. Trong các hình thức này, ngoài những ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa, nhà Lý bắt đầu chủ động trong việc tiếp thu Phật giáo Mật tông ảnh hưởng văn minh Ấn Độ nhằm đề cao tinh thần tự tôn và chấn hưng nền văn hóa dân tộc. Đây là một việc làm đặc biệt có ý nghĩa nhằm giải Hán hóa sau khi đất nước trải qua 1000 năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc.

Ngoài ra, tiếp cận từ lý thuyết chức năng phần nào lý giải được nguyên nhân sự phát triển phổ biến của Phật giáo Mật tông thời kỳ này. Yếu tố Mật tông có nhiều điểm tương đồng với truyền thống văn hóa Việt, việc thúc đẩy các hình thức thực hành Mật tông góp phần xây dựng nền văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của dân chúng.

Đồng thời, việc thực hành một số nghi lễ Mật tông góp phần tăng cường gắn kết xã hội, tập hợp quần chúng, hợp lý hóa quyền lực vai trò thống trị của nhà Lý trong buổi đầu xây dựng chính quyền. Tại các sự kiện cầu đảo, lễ hội Phật giáo được triều đình tổ chức, sự hoàn quện của các thực hành Mật tông với đời sống văn hóa xã hội góp phần thiêng hóa vương triều, đồng nhất thần quyền với thế quyền, đặc biệt thông qua đó, nhà Lý có được sự ủng hộ, tin tưởng tuyệt đối với người dân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với vương triều Lý trong buổi đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập.

Thực hành Mật tông là một trong những biểu hiện nhập thế của Phật giáo thời kỳ này. Bên cạnh đó, nhà Lý còn có các chính sách quan tâm đời sống người dân, đề cao tinh thần từ bi và các giá trị đạo đức tốt đẹp Phật giáo trong đời sống xã hội. Như vậy, sau một thiên niên kỷ thoát khỏi ách đô hộ, dưới sự hậu thuẫn mạnh mẽ của triều đình nhà Lý, sự đóng góp tích cực của tầng lớp tăng sĩ, Phật giáo nói chung và Phật giáo Mật tông nói riêng mang lại những thành tự phát triển cho nền văn hóa dân tộc, mở ra một thời kỳ thịnh trị của quốc gia Đại Việt dưới thời Lý và các triều đại tiếp theo.

Ghi chú: Bài viết trên cơ sở bổ sung chỉnh sửa tham luận cùng tên tham dự Hội thảo khoa học quốc tế: "*Các vị Thánh tổ triều Lý trong lịch sử Phật giáo Việt Nam*" do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tổ chức.

***

Chú thích:

[1] Thích Mật Thể, trong Việt Nam Phật giáo sử lược ví vua Lê Long Đĩnh ác như Trụ, Kiệt bên Tàu, lấy các việc giết người, róc mía trên đầu sư tăng làm trò tiêu khiển.

[2] Thích Minh Trí (2012), Quan hệ nhà nước quân chủ Lý – Trần với Phật giáo, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 173-177

[3] Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, tr. 358

[4] Thiều Chửu, Hán Việt Tự điển, Nxb VHTT, H, 2013, tr. 298, 397

[5] X. A. Tôcarev, Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 430 - 431

[6] Xem Carthryn Dyt, “Calling for Wind and Rain”Rituals: Environment, Emotion, and Governance in Nguyễn Vietnam,1802 – 1883”, Research Essay, Nguồn đã dẫn.

[7] Paul Giran (1912), Bùa chú và tôn giáo Việt Nam, Nhà sách Hải quân thuộc địa, Paris, tr. 135

[8] Xem Việt Sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư

[9] Hà Văn Tấn (2000), "Về một nghi lễ Mật giáo qua bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý"Nghiên cứu Tôn giáo, Số 2 – 2000.

[10] Viện Khoa học Xã hội (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Nxb. KHXH, tr. 289

[11] Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd, tr. 301

[12] Tống Trung Tín (1997), Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý Trần (Thế kỷ XI-XIV), Nxb. KHXH, tr. 44

[13] Nguyễn Thị Thu Hoan, Phạm Thị Huyền (2015) "Tìm hiểu về tháp qua mô hình tháp thờ trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia", Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Ngày 26/08/2015 08:32 3056 https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3101/18515/tim-hieu-ve-thap-qua-mo-hinh-thap-tho-trung-bay-o-bao-tang-lich-su-quoc-gia.html

[14] Thích Mật Thể (1960), Việt Nam Phật giáo sử lược, Nhà sách Minh Đức, Đà Nẵng.

[15] Lý Tế Xuyên (1972), Việt điện U linh, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[16] Thích Mật Thể (1960), Việt Nam Phật giáo sử lược, Nhà sách Minh Đức, Đà Nẵng.

[17] Oliver Bobineau, Sébastien Tank-Storper (2012), Xã hội học tôn giáo, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 13 - 14

[18] Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận I-II-III, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr186-187.

[19] Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch. Nxb Sử học, Hà Nội 1960, tập 1, tr.160.

[20] Trương Hữu Quýnh Chủ biên (2000), Lịch sử Việt Nam Tập 1, Nxb, Giáo dục, tr. 261.

[21] Chu Quang Trứ (2012), Mỹ thuật Lý – Trần mỹ thuật Phật giáo, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

***

Tác giả: **Trương Thúy Trinh**

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học (VASS)

***

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Minh Anh (2016), “Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo”, Khoa học xã hội Việt Nam, Số 6 (103) – 2016, tr. 112-119

2. Trắc Tân Bình (2007), Lý giải tôn giáo, Nxb. Hà Nội

3. Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch. Nxb Sử học, Hà Nội 1960, tập 1,

4. Thiều Chửu, Hán Việt Tự điển, Nxb VHTT, Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Thu Hoan, Phạm Thị Huyền (2015) “Tìm hiểu về tháp qua mô hình tháp thờ trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia”, Bảo tàng Lịch sử quốc gia, https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3101/18515/tim-hieu-ve-thap-qua-mo-hinh-thap-tho-trung-bay-o-bao-tang-lich-su-quoc-gia.html

6. Mai Khánh (2013), “Một vài nét về Hội đèn Quảng chiếu ở kinh đô Thăng Long thời vua Lý Nhân Tông”, Di sản Văn hóa Phi vật thể, Số 1/2013, tr. 77-79

7. Kỷ yếu Hội thảo: Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long – Hà Nội.

8. Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận I-II-III, Văn học, Hà Nội,

9. Oliver Bobineau, Sébastien Tank-Storper (2012), Xã hội học tôn giáo, Nxb. Thế giới, Hà Nội

10. Trần Thế Pháp (2011), Lĩnh Nam trích quái, Vũ Quỳnh, Kiều Phú (nhuận chính), Nxb. Trẻ, Hà Nội

11. Paul Giran (1912), Bùa chú và tôn giáo Việt Nam, Nhà sách Hải quân thuộc địa, Paris.

12. Trương Hữu Quýnh Chủ biên (2000), Lịch sử Việt Nam Tập 1, Nxb, Giáo dục.

13. Thích Mật Thế (1960), Việt Nam Phật giáo lược sử, Nhà sách Minh Đức, Đà Nẵng.

14. Thích Minh Trí (2012), Quan hệ nhà nước quân chủ Lý – Trần với Phật giáo, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

15. Hà Văn Tấn (2000), “Về một nghi lễ Mật giáo qua bia tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý”, Nghiên cứu tôn giáo, Số 2- 2000.

16. Tống Trung Tín (1997), Nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thời Lý Trần (Thế kỷ XI-XIV), Nxb. KHXH.

17. Chu Quang Trứ (2012), Mỹ thuật Lý – Trần mỹ thuật Phật giáo, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

18. Trương Thúy Trinh (2023), “Bước đầu khảo cứu mô hình tháp thờ (Tsa Tsa) tại một số ngôi chùa tháp thời Lý Trần”, Xưa & Nay, Số 5/2023, tr. 51 - 54

19. Viện Khoa học Xã hội (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội.

20. A. Tôcarev (1995), Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng, Nxb CTQG, Hà Nội.

21. Lý Tế Xuyên (1972), Việt điện U linh, Nxb. Văn học, Hà Nội.